

VỀ QUY ĐỊNH NHỮNG ĐIỀU LUẬT SƯ KHÔNG ĐƯỢC LÀM

TS. NGUYỄN THỊ HIỀN *

1. Sự cần thiết phải quy định những việc luật sư không được làm

Nghề luật sư là một nghề nghiệp trong hệ thống phân công lao động xã hội. Người luật sư khi hoạt động nghề nghiệp luôn hành nghề với tư cách cá nhân nhưng cũng như những người lao động ở các nghề khác, người theo đuổi nghề luật sư cũng có mục đích mưu sinh. Nghề luật sư có những đặc điểm riêng là:

Thứ nhất, những sản phẩm mà luật sư cung cấp cho xã hội không phải là sản phẩm bình thường mà là sản phẩm đặc biệt - một loại hàng hóa vô hình. Tính chất “vô hình”, “đặc biệt” của hàng hóa do luật sư cung cấp cũng không giống với tính chất “vô hình” của các loại dịch vụ khác, đó là chúng hàm chứa tính xung đột về độ thoả dụng khi tiêu dùng giữa các khách hàng.

Thứ hai, khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, luật sư cũng phải thu phí dịch vụ (trừ trường hợp luật sư tham gia với tư cách là người trợ giúp pháp lý). Nhưng khác với các nhà cung cấp dịch vụ thông thường, cùng với cung cấp hàng hóa cho xã hội, chức năng riêng có, cao cả của luật sư là “*tham gia bảo vệ công lý, góp phần đảm bảo công bằng xã hội, bảo vệ các quyền tự do, dân chủ của cá nhân, tổ chức, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa thông qua việc tham gia tố tụng, thực hiện tư vấn pháp luật và các dịch vụ pháp lý*

khác”.⁽¹⁾ Để thực hiện chức năng cao cả nói trên, luật sư không những phải là người tự mình nêu gương trong việc tôn trọng, chấp hành pháp luật mà còn có bổn phận tự giác chấp hành các quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động hành nghề và giao tiếp xã hội mà trước hết là quy định về những việc luật sư không được phép làm.

Trong nền kinh tế thị trường, ở các ngành nghề kinh doanh, các chủ thể khi hoạt động phải tuân thủ Luật doanh nghiệp và các văn bản quy định về hoạt động này. Nhưng với người hành nghề luật sư, do đặc thù nghề nghiệp, không chỉ tuân thủ Luật doanh nghiệp mà còn phải tuân thủ (hay trước hết phải tuân thủ) Luật luật sư. Trong đó những việc luật sư không được làm là “vạch cấm” mà nếu vi phạm thì luật sư không còn là luật sư nữa.

Quy định những việc luật sư không được phép làm thể hiện xã hội có yêu cầu đối với nghề luật sư cao hơn so với các nghề nghiệp khác. Những quy định này là bắt buộc đối với hoạt động nghề nghiệp của luật sư, bắt buộc đối với tất cả các luật sư, không có ngoại lệ với bất cứ trường hợp nào. Điều này thể hiện giới hạn cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp của luật sư. Mỗi người có thể

* Giảng viên chính Khoa Lý luận chính trị Trường Đại học Luật Hà Nội

khôn ngoan, tháo vát, thông minh... khi bênh vực quyền lợi cho khách hàng trong quá trình hành nghề nhưng phải giữ trật tự xã hội theo những quy định của pháp luật.

Các quy định này vừa có tác dụng răn đe, phòng ngừa các hành vi trái pháp luật, trái đạo đức của các luật sư vừa có tác dụng như tấm gương mà mỗi luật sư cần soi vào đây để hoạt động nghề nghiệp của mình luôn được ổn định. Điều đó cho thấy tuy hoạt động nghề nghiệp của luật sư là hoạt động riêng rẽ, cá nhân nhưng có định hướng rõ ràng, luôn tuân theo những khuôn khổ nhất định.

Ngoài ra, các quy định trên cũng là các chuẩn mực để các cơ quan có trách nhiệm quản lí, điều chỉnh hoạt động của các luật sư, của các tổ chức hành nghề luật sư đảm bảo tính thống nhất trong quản lí, điều hành hoạt động luật sư trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Sự phân tích trên cho thấy việc phổ biến rộng rãi Luật luật sư và đạo đức hành nghề luật sư trong toàn xã hội là việc làm cần thiết và phải được duy trì thường xuyên. Khi các công dân, các tổ chức xã hội hiểu biết sâu sắc về nghề luật sư và công việc của các luật sư cũng có nghĩa xã hội có thêm lực lượng giám sát việc tuân thủ pháp luật của các luật sư. Từ đó, giúp họ tự nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của mình.

2. Quy định những việc luật sư không được làm trong các văn bản hiện hành

Trong vòng một thập kỉ qua, khi sự nghiệp đổi mới của đất nước với những thành tựu nổi bật đã khẳng định tính đúng đắn của các chủ trương, đường lối của Đảng và hiệu lực quản lí của Nhà nước. Hoạt động

của các luật sư cũng được tạo thêm thuận lợi nhờ vào sự hoàn thiện, củng cố của hệ thống pháp luật nước nhà. Trong đó, các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động nghề nghiệp của các luật sư có thể kể là:

1. Luật luật sư được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2007 (Luật này thay thế Pháp lệnh luật sư năm 2001).

2. Quy tắc mẫu về đạo đức nghề nghiệp luật sư được Bộ tư pháp ban hành trên cơ sở Pháp lệnh luật sư.

3. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp luật sư của các đoàn luật sư.

Hiện tại, những việc luật sư không được làm được quy định tập trung trong Luật luật sư.

Để đảm bảo đạo đức của người làm nghề luật sư, những việc luật sư không được làm được quy định trong tất cả các quan hệ của luật sư khi hoạt động nghề nghiệp, đó là: Quan hệ của luật sư với khách hàng, quan hệ của luật sư với đồng nghiệp, quan hệ của luật sư với cơ quan tiến hành tố tụng và với các cơ quan nhà nước khác.

2.1. Quy định những việc luật sư không được làm trong Luật luật sư năm 2006

Trong Luật luật sư, những hành vi bị nghiêm cấm được quy định trong Điều 9, Điều 24, Điều 25 và Điều 77. Cụ thể theo khoản 1 Điều 9:

"Nghiêm cấm các luật sư thực hiện các hành vi sau đây:

a) Cung cấp dịch vụ pháp lí cho khách hàng có quyền lợi liên quan trong các vụ án hình sự, vụ án dân sự, vụ án hành chính, việc

dân sự, các việc khác theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là vụ, việc).

b) Cố ý cung cấp tài liệu, vật chứng giả, sai sự thật; xúi giục người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, đương sự khai sai sự thật hoặc xúi giục khách hàng khiếu nại, tố cáo, khiếu kiện trái pháp luật.

c) Tiết lộ thông tin về vụ, việc, khách hàng mà mình biết được trong khi hành nghề, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác;

d) Sách nhiễu, lừa dối khách hàng;

đ) Nhận, đòi hỏi bất kì một khoản tiền, lợi ích nào khác từ khách hàng ngoài khoản thù lao và chi phí đã thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng dịch vụ pháp lý;

e) Móc nối, quan hệ với người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, cán bộ, công chức khác để làm trái quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc;

g) Lợi dụng việc hành nghề luật sư, danh nghĩa hành nghề luật sư để gây ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”.

So với Pháp lệnh luật sư năm 2001 và Quy tắc mẫu về đạo đức hành nghề luật sư trước đây, Điều 9 Luật luật sư có những điểm mới như: cấm hành vi cố ý cung cấp tài liệu, chứng cứ giả sai sự thật, xúi giục người bị tạm giam giữ, bị can, bị cáo, đương sự khai sai sự thật hoặc xúi giục khách hàng khiếu nại, tố cáo khiếu kiện trái pháp luật; sách nhiễu, lừa dối khách hàng; ngoài ra về

việc cung cấp thông tin đã quy định cụ thể hơn ở trường hợp nếu khách hàng đồng ý phải có văn bản.

Hành vi gây ảnh hưởng xấu đến quốc gia của luật sư cũng được quy định rõ hơn: về phạm vi, không được phát biểu trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc nơi công cộng và không được lợi dụng việc hành nghề luật sư, danh nghĩa luật sư gây ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 24 Luật luật sư quy định những việc luật sư không được làm liên quan đến vấn đề nhận và thực hiện vụ việc của khách hàng. Cụ thể là:

“... 3. Luật sư không chuyển giao vụ, việc mà mình đã nhận cho luật sư khác làm thay, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý hoặc trường hợp bất khả kháng”.

Như vậy, khoản 4 quy tắc 5 trong Quy tắc mẫu về đạo đức hành nghề luật sư đã được đưa vào khoản 3 Điều 24.

Điều 25 Luật luật sư quy định những việc luật sư không được làm liên quan đến vấn đề bí mật thông tin. Cụ thể như sau:

“1. Luật sư không được tiết lộ thông tin về vụ, việc, về khách hàng mà mình được biết trong khi hành nghề, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Luật sư không được sử dụng thông tin về vụ, việc, về khách hàng mà mình được biết trong khi hành nghề vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công

cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Tổ chức hành nghề luật sư có trách nhiệm bảo đảm các nhân viên trong tổ chức hành nghề không tiết lộ thông tin về vụ, việc, về khách hàng của mình”. Điều 25 đã luật hoá Quy tắc số 6 và bổ sung thêm khoản 2.

Như vậy, đã có sự kế thừa, phát triển Pháp lệnh luật sư năm 2001 và Quy tắc mẫu về đạo đức luật sư trong xây dựng, ban hành Luật luật sư năm 2006.

Những hành vi bị nghiêm cấm không phải chỉ áp dụng với luật sư Việt Nam mà còn áp dụng với luật sư nước ngoài khi hành nghề trên lãnh thổ Việt Nam, điểm b khoản 2 Điều 77 Luật luật sư quy định:

“Điều 77. Quyền và nghĩa vụ của luật sư nước ngoài:

... b) Tuân theo các nguyên tắc hành nghề luật sư, nghĩa vụ của luật sư theo quy định của Luật này; quy tắc ứng xử nghề nghiệp luật sư”.

2.2. Xử lý vi phạm

Khi luật sư và các tổ chức hành nghề luật sư vi phạm những hành vi bị cấm sẽ bị xử lý theo quy định tại các điều 89 và 90. Cụ thể là:

“Điều 89. Xử lý vi phạm đối với luật sư.

Luật sư vi phạm quy định của Luật này, ngoài việc bị xử lý kỉ luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Khi luật sư vi phạm, việc xử lý kỉ luật không chỉ đối với cá nhân luật sư mà còn áp dụng cả đối với tổ chức hành nghề luật sư.

“Điều 90. Xử lý vi phạm đối với tổ chức hành nghề luật sư của Việt Nam, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

Tổ chức hành nghề luật sư của Việt Nam, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, công ti luật nước ngoài tại Việt Nam vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật”.

3. Một số vấn đề đặt ra trong quá trình thực hiện những quy định của pháp luật về những hành vi nghiêm cấm đối với luật sư ở Việt Nam hiện nay

Trước yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, trong đó, tính độc lập, tự chủ của các đơn vị; cá nhân kinh doanh được phát huy cao độ. Việc xây dựng nhà nước pháp quyền đã thúc đẩy sự phân công lao động xã hội phát triển, nhiều ngành nghề mới ra đời, trong đó nghề luật sư có điều kiện phát triển mạnh hơn trước. Để điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến hoạt động của luật sư và các tổ chức hành nghề luật sư, năm 2001 Pháp lệnh luật sư ra đời, năm 2002 Bộ tư pháp đã ban hành Quy tắc mẫu về đạo đức nghề nghiệp luật sư.

Sau 5 năm thi hành pháp lệnh hành nghề luật sư, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong xu hướng hội nhập quốc tế của Việt nam; môi trường, phạm vi hoạt động của luật sư và các tổ chức hành nghề luật sư đã có

hiều thay đổi. Bên cạnh đó, việc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và kỉ luật hành nghề của một số luật sư chưa thực sự nghiêm túc.

Trong thực tế, nguyên tắc kết hợp quản lí nhà nước với phát huy vai trò tự quản của tổ chức xã hội-nghề nghiệp của luật sư có lúc, có nơi còn chưa thực hiện tốt. Việc tách rời các quy định về luật sư và hành nghề của luật sư Việt Nam với luật sư nước ngoài ở Việt Nam vừa ảnh hưởng đến cam kết của Việt Nam về nguyên tắc đối xử quốc gia (NT), cản trở việc thực hiện các dịch vụ pháp lí quốc tế giữa Việt Nam với các nước.

Luật luật sư ra đời năm 2006 và đi vào cuộc sống đã đáp ứng nhu cầu phát triển đội ngũ luật sư, phát triển nghề luật sư cũng như quản lí nhà nước, quản lí xã hội đối với luật sư và nghề luật sư. Việc đưa một số quy tắc mẫu về đạo đức nghề nghiệp luật sư vào Luật luật sư đã làm tăng tính cưỡng chế của một số quy tắc đạo đức hành nghề luật sư. Tuy vậy, việc thực hiện Luật luật sư và Quy tắc mẫu về đạo đức nghề nghiệp luật sư đã và đang xuất hiện một số vấn đề cần được cụ thể hoá để hiểu và thực hiện một cách thống nhất, đó là:

- Vấn đề về văn hoá ứng xử và lối sống của luật sư như thế nào là đúng mực? Văn hoá với những biểu hiện rất đa dạng về: trang phục, cử chỉ, lời nói... Xét riêng về trang phục, trong giờ làm việc, ngoài giờ làm việc, khi tham gia tổ tụng, khi làm dịch vụ ngoài tổ tụng có cần sự phân biệt không? Nếu có thì phạm vi sử dụng trang phục đó sẽ như thế nào?

- Về bí mật thông tin cần quy định rõ loại thông tin gì: thông tin về vụ việc kinh doanh, thông tin về đời tư của khách hàng... Thiếu quy định cụ thể, chi tiết những vấn đề như vậy sẽ khó khăn cho hoạt động nghề nghiệp của luật sư.

- Về những hoạt động kinh doanh có thể ảnh hưởng đến uy tín và thanh danh của luật sư... Cụ thể là những nghề gì? Trong trường hợp luật sư thiếu thu nhập để sinh sống thì có được tạm thời kinh doanh ít nhất một trong những ngành nghề đó không? v.v...

Tóm lại, việc nhận thức sâu sắc, đầy đủ những quy định về những hành vi nghiêm cấm đối với luật sư và tổ chức hành nghề luật sư là bổn phận của từng luật sư khi hoạt động với tư cách là nghề chuyên môn cũng như khi hoạt động là người quản lí luật sư.

Từ nhận thức đúng đến hành động đúng, điều đó có tác dụng tạo lập, giữ gìn hình ảnh của luật sư trong đời sống xã hội, tác dụng nâng cao chất lượng dịch vụ mà luật sư cung cấp cho khách hàng, nâng cao uy tín của luật sư. Việc xử lí nghiêm khắc những hành vi vi phạm của một số luật sư cũng như những người ngăn cản luật sư hành nghề cũng có tác dụng răn đe, phòng ngừa cả đội ngũ cán bộ pháp lí lẫn cán bộ hỗ trợ pháp lí tránh xa những hành vi gây bất lợi cho các cá nhân và cộng đồng. Qua đó trật tự và công bằng xã hội ngày càng được củng cố và tăng cường./

(1). Lời mở đầu Quy tắc mẫu về đạo đức nghề nghiệp luật sư ban hành kèm theo Quyết định của Bộ tư pháp số 356/2002/QĐ-BTP.